| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 219 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6- 2019
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ **Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền**
2/ **Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều**

***-Thư ký phiên toà***: **Bà Nguyễn Thị Anh Đào** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành*** th*am gia phiên tòa*: **không tham gia.**

Ngày **19** tháng **6** năm **2019** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị Thu B **,** sinh năm**:** 1976 (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp Đông Bình T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang
Tạm trú: 55/6, Khóm Tây H, phường M, Tp. L, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Kế Q**,** sinh năm: 1977 (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp Đông Bình T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 3/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu B trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị Thu B và anh Nguyễn Kế Q chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống thì chị và anh Q sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do thấy tính tình không còn hòa hợp, phát sinh mâu thuẩn, bất đồng trong cuộc sống, chị và anh Q ly thân nhau hơn 4 năm

nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Kế Q

**Về con chung:** Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 2/5/1995 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/8/2004. Hiện cháu L đã trưởng thành. Còn cháu T đang sống với chị Thu B. Sau khi ly hôn chị Thu B yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản và nợ chung:** Không có

**Bị đơn anh Nguyễn Kế Q: Tại bản tự khai ngày 11/6/2019 và biên bản hòa giải ngày 11/6/2019 và lời khai tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Kế Q trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Kế Q và chị Hoàng Thị Thu B chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do thấy tính tình không còn hòa hợp, phát sinh mâu thuẩn, bất đồng trong cuộc sống, anh và chị Thu B ly thân nhau hơn 4 năm nay. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị Thu B anh cũng đồng ý ly hôn.

**Về con chung:** Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 2/5/1995 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/8/2004. Hiện cháu L đã trưởng thành. Còn cháu T đang sống với chị Thu B. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị Thu B nuôi cháu T, anh không cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản và nợ chung:** Không có

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị Thu B và Anh Nguyễn Kế Q chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành ngày 15/5/2019 thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của chị Thu B và anh Kế Q. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa chị Thu B và anh Kế Q đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của chị Thu B và anh Kế Q đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị Thu B và anh Kế Q không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Thu B và anh Nguyễn Kế Q là phù hợp.

[2] **Về con chung:** Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 2/5/1995 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/8/2004. Hiện cháu L đã trưởng thành.

Còn cháu T đang sống với chị Thu B. Sau khi ly hôn chị Thu B và anh Q thỏa thuận chị Thu B nuôi cháu T, anh Q không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra tại tờ tự khai cháu T 11/6/2019 thì cháu cũng có nguyện vọng muốn sống với chị Thu B sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của chị Thu B và anh Q về nuôi con chung. Chị Thu B phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Kế Q được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này

[3]**Về tài sản và nợ chung:** Không có

[4]**Về án phí:** Do yêu cầu của chị Hoàng Thị Thu B được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**Tuyên xử:**

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu B. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Thu B và anh Nguyễn Kế Q.

2**. Về nuôi con chung**: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 2/5/1995 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/8/2004. Hiện cháu L đã trưởng thành. Còn cháu T đang sống với chị Thu B. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thu B và anh Kế Q là sau khi ly hôn chị Thu B được nuôi dưỡng cháu T, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Thu B phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Q được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này

3**. Về tài sản chung:** Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4**. Về nợ chung:** Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

5**. Về án phí dân sự sơ thẩm**: Chị Hoàng Thị Thu B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014281 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6**. Về kháng cáo**: Chị Hoàng Thị Thu B và anh Nguyễn Kế Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mỹ Dung**